

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/KDTM-ST

Ngày: 17-9-2020

**V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lưu Thị Kiên;
2. Ông Nguyễn Văn Mừng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Vinh, **Thư ký** Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **11/2020/TLST-KDTM** ngày **24/6/2020** về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: Số B, đường B2, ấp TS, xã NĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phú K- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: **Anh** Trần Thế H, Sinh năm 1989- Chức vụ: Nhân viên công ty; Địa chỉ: Số B3, đường PTB, khu phố HL, Phường HT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/4/2020); *có đơn xin vắng mặt.*

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng T2; Địa chỉ: Số TT, đường TP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng N- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc; *vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2020, bản tự khai ngày 03/8/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-*

*Anh Trần Thế H trình bày:*

Vào ngày 02/03/2019, Công ty TNHH T (viết tắt là công ty T) và Công ty Cổ phần Xây dựng T2 (viết tắt là công ty T2) có ký kết Hợp đồng mua bán về việc cung cấp ống cống bê tông cốt thép số 0503/2019/T-T2 về việc cung cấp ống cống bê tông cốt thép phục vụ thi công công trình đường DT 785 – Thị trấn Tân Châu – Tây Ninh. Theo nội dung thỏa thuận, thì bên công ty T2 có nghĩa vụ ứng trước là 30% tiền hàng, công ty T sẽ giao hàng với số lượng theo từng đơn hàng mà công ty T2 yêu cầu, cứ cuối mỗi tháng thì hai bên chốt nợ và sẽ thanh toán tiền trong hạn 10 ngày kể từ ngày chốt. Ngay sau khi công ty T nhận được tiền thì sẽ xuất hóa đơn và các giấy tờ liên quan cho công ty T2. Theo đó, hai bên đã ký kết hợp đồng với tổng giá trị hợp đồng là 688.468.000 đồng, có nghĩa là bên công ty T sẽ giao hàng cho công ty T2 với số lượng hàng hóa quy ra giá trị tiền là 688.468.000 đồng. Thỏa thuận công ty T2 phải ứng trước 30% giá trị tiền hàng là 206.540.000 đồng cho công ty T nhưng do có mối quan hệ mua bán nhiều năm nên công ty T đã giao hàng cho công ty T2 dù công ty T2 chưa ứng tiền cho công ty T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thực hiện đúng các nội dung ký kết, giao hàng đúng hạn và cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ cho bên công ty T2 theo thỏa thuận; tuy nhiên về phía công ty T2 đã không thực hiện đúng các nội dung, điều khoản thanh toán đã ký kết, mặc dù công ty T đã liên lạc, yêu cầu thanh toán rất nhiều lần nhưng vẫn không có sự phản hồi từ phía công ty T2, dẫn đến công nợ phát sinh từ thời điểm tháng 03/2019 đến ngày 30/6/2019 là 383.016.700 đồng (có các biên bản đối chiếu công nợ tháng 1/2019, tháng 3/2019, tháng 4/2019 và tháng 6/2019 do đại diện theo pháp luật của hai công ty ký xác nhận). Do công ty T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên công ty T khởi kiện yêu cầu công ty T2 có nghĩa vụ trả cho công ty T tiền mua hàng còn nợ là 383.016.700 đồng (ba trăm tám mươi ba triệu, không trăm mười sáu ngàn, bảy trăm đồng), công ty T không yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn- công ty T2 đã được Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ từ sau khi thụ lý vụ án, nhưng công ty T2 vắng mặt không đến tòa để trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên họp, phiên hòa giải và xét xử.*

*Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:*

**Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử:** Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50, 55 **Luật kinh doanh thương mại năm 2005**, chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH T. Buộc Công ty Cổ phần xây dựng T2 trả cho Công ty TNHH T số tiền nợ gốc 383.016.700 đồng, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Về án phí: Công ty Cổ phần xây dựng T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn- anh Trần Thế Hiển có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn- Công ty cổ phần xây dựng T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy từ khi ký kết hợp đồng mua bán ngày 02/3/2019, Công ty T đã cung cấp số lượng ống cống bê tông cốt thép phục vụ thi công công trình đường DT 785 – Thị trấn Tân Châu – Tây Ninh cho công ty T2. Ngày 02/7/2019, hai bên lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, Công ty T2 xác nhận tính đến hết ngày 30/6/2019 còn nợ Công ty T số tiền 383.016.700 đồng. Do Công ty T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty T khởi kiện.

Xét về chứng cứ: Công ty T đã nộp cho tòa án chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng mua bán về việc cung cấp ống cống bê tông cốt thép số 0503/2019/T-T2 ngày 02/3/2019; biên bản đối chiếu công nợ tháng 01/2019; biên bản đối chiếu công nợ tháng 3/2019; biên bản đối chiếu công nợ tháng 4/2019; biên bản đối chiếu công nợ tháng 6/2019, tất cả đều do người đại diện theo pháp luật của hai công ty ký tên và đóng dấu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cùng với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc Công ty T2 trả cho Công ty T số tiền 383.016.700 đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là  $383.016.700 \text{ đồng} \times 5\% = 19.150.835 \text{ đồng}$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều **24, 50, 55 Luật kinh doanh thương mại năm 2005**; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với Công ty Cổ phần Xây dựng T2.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng T2 trả cho Công ty TNHH T số tiền 383.016.700 đồng (*ba trăm tám mươi ba triệu, không trăm mười sáu ngàn, bảy trăm đồng*). Ghi nhận Công ty TNHH T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí: Công ty Cổ phần Xây dựng T2 phải chịu 19.150.835 (*mười chín triệu, một trăm năm mươi nghìn, tám trăm ba mươi lăm*) đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH T không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.575.000 (*chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0000231 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

[3] Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Lan**